

Đáp án

1-B	2-C	3-C	4-B	5-A	6-C	7-C	8-B	9-C	10-C
11-C	12-A	13-D	14-C	15-C	16-D	17-D	18-A	19-A	20-D
21-C	22-A	23-D	24-A	25-B	26-C	27-D	28-D	29-B	30-C

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Question 1: Đáp án B

Ta sử dụng “should have” để diễn đạt một lời khuyên ai đó lẽ ra nên làm gì trong quá khứ (nhưng thực tế người đó đã không làm). Dựa vào kết quả của câu trên là cả hai đã ướt rồi, vậy nên ta hiểu rằng những chiếc áo mưa chỉ xuất hiện trong giả định của người nói, còn thực tế thì không. Phương án đúng là phương án B.

Dịch nghĩa: Chúng ta đều ướt cả rồi, lẽ ra bạn phải mang theo mấy cái áo mưa bên mình chứ

Question 2: Đáp án C

Phương án đúng là phương án C. Để diễn đạt một dự đoán cá nhân về một hành động gần như chắc chắn đã xảy ra trong quá khứ, có dẫn chứng, ta sử dụng “must have + PII”

Dịch nghĩa: Cả cái sân này đều ướt, chắc đêm qua trời đã đổ mưa.

Question 3: Đáp án C

Ta sử dụng “would rather + V” để diễn đạt một mong muốn của bản thân trong một tình huống cụ thể. Phương án đúng là phương án C.

Dịch nghĩa: Cô ấy nói với tôi rằng cô ấy không muốn làm việc trong ủy ban

Question 4: Đáp án B

Cấu trúc: would rather do sth than do sth (thích cái gì hơn cái gì)

Dịch nghĩa: Tôi thích làm việc ngoài cánh đồng hơn là ở nhà.

Question 5: Đáp án A

Ta dùng cấu trúc : need to sth , để diễn tả sự cần thiết của một hành động

Dịch nghĩa: Anh ta không cần tiêu số tiền này, do đó anh ấy có thể tiện kiệm một số

Question 6: Đáp án C

Cấu trúc câu dự đoán : need + have + P2

Để chỉ một hành động đã rất cần thiết phải xảy ra trong quá khứ nhưng người được nhắc đến lại không làm và ngược lại với câu phủ định

Dịch nghĩa: Anh ta đã tiêu tất cả số tiền này tuần trước. Anh ta không cần dành quá nhiều.

Question 7: Đáp án C

Cấu trúc: had better do sth (nên làm gì hơn)

Dịch nghĩa: Bạn đang bị đau họng. Bạn nên đến bác sĩ thì hơn

Question 8: Đáp án B

Cấu trúc: would rather do sth than do sth (thích làm gì hơn làm gì)

Dịch nghĩa: Tôi thích nghèo mà hạnh phúc hơn là giàu mà không có hạnh phúc

Question 9: Đáp án C

Cấu trúc câu dự đoán : can/could have + P2

Để chỉ một khả năng có thể xảy ra trong quá khứ nhưng theo quan điểm chủ quan của người nói và không có một bằng chứng cụ thể nào.

Dịch nghĩa: Cô ấy đã có thể chết đuối ,nhưng may thay một người bảo vệ đã xông vào và cứu cô ấy

Question 10: Đáp án C

Cấu trúc câu dự đoán: must + have + p2

Diễn tả một hành động chắc chắn đã xảy ra trong quá khứ và có chứng cứ rõ ràng

Dịch nghĩa: Vào năm 1900 thế giới đã không có những ca tử vong vì bệnh dại. Các nhà khoa học chắc đã tìm ra loại virus đặc hiệu

Question 11: Đáp án C

obligatory: nghĩa vụ, bổn phận

Dịch câu gốc: Không bắt buộc phải nộp bài tập của tôi hôm nay

Các đáp án:

- A. Tôi không được phép nộp bài tập hôm nay
- B. Bài tập của tôi chắc chắn đã được nộp hôm nay
- C. Tôi không cần nộp bài tập hôm nay
- D. Bài tập của tôi bắt buộc phải được nộp trong ngày hôm nay

Question 12: Đáp án A

Dịch câu gốc: ĐÓ là lỗi của bạn khi làm mất hộ chiếu

Các đáp án: A. Bạn đáng lẽ ra không nên làm mất hộ chiếu

- B. Đó chắc chắn là một lỗi trong hộ chiếu
- C. Bạn đáng lẽ ra không cần mang theo hộ chiếu
- D. Hộ chiếu của bạn chắc chắn bị mất

Question 13: Đáp án D

Ta dùng cấu trúc might +V để chỉ một dự đoán có thể xảy ra (possibly)

Dịch : Các cái chìa khóa ô tô của tôi có thể đang ở trong phòng bếp

Question 14: Đáp án C

Ta dùng cấu trúc câu dự đoán: must have P2 để dự đoán về một điều chắc chắn xảy ra trong quá khứ

Dịch: A: John đã vượt qua bài kiểm tra với một sự khác biệt

B: Chắc chắn cậu ta đã học rất chăm chỉ

Question 15: Đáp án C

Giải thích: must have P2: dùng để dự đoán về một việc chắc chắn xảy ra trong quá khứ

should have P2: dùng để diễn đạt một lời khuyên ai đó lẽ ra nên làm gì trong quá khứ (nhưng thực tế người đó đã không làm)

can + V.inf: dùng để nói về khả năng trong hiện tại

The computer = Danh từ chỉ vật nên dùng bị động

Dịch: Cái máy tính không hoạt động. Chắc chắn nó đã bị hỏng trong quá trình vận chuyển

Question 16: Đáp án D

Giải thích: ought to/ should + V.inf: dùng để đưa ra lời khuyên

mustn't: không được phép

do not have to= do not need: không cần

Dịch: Bạn nên kiểm tra lượng hơi trong lốp xe nếu không muốn bị hỏng lốp trên chuyến đi của bạn

Question 17: Đáp án D

Giải thích: must have P2: dùng để dự đoán một việc chắc chắn xảy ra trong quá khứ, có bằng chứng xác thực

can have P2: dùng để dự đoán một việc có thể xảy ra trong quá khứ

Ở đây chủ ngữ là she nên không thể chia ở bị động

Đáp án đúng là D

Dịch: Cô ta chắc chắn đã khóc rất nhiều sau tai nạn của chồng. Đó là lý do tại sao mắt cô lại đỏ và sưng lên như vậy

Question 18: Đáp án A

Giải thích:

might +V.inf: dùng để nói về khả năng

should=had better: nên

mustn't: không được phép

Dịch: Đi bộ theo đường mòn đến đỉnh có thể gây nguy hiểm nếu bạn không chuẩn bị tốt cho những thay đổi thời tiết đáng kể

Question 19: Đáp án A

Giải thích:

must+ V.inf: dùng để đưa ra dự đoán điều gì chắc chắn xảy ra trong hiện tại

must have P2: dùng để đưa ra dự đoán điều gì chắc chắn xảy ra trong quá khứ

could have P2; dùng để đưa ra dự đoán điều gì có thể đã xảy ra trong quá khứ

should have P2: để diễn đạt một lời khuyên ai đó lẽ ra nên làm gì trong quá khứ (nhưng thực tế người đó đã không làm).

Dịch: Nhìn kia! Cô ta đang cười phá lên. Chắc chắn cô ta có chuyện vui

Question 20: Đáp án D

Giải thích:

can't / couldn't have PII: Dự đoán chắc chắn 100 % không thể xảy ra trong quá khứ

may have P2: dự đoán có khả năng diễn ra trong quá khứ (70-80%), chưa chắc đã xảy ra

Dịch: Bạn đang đùa à? David chắc chắn đã không mua xe mới tuần trước. Tôi biết chắc là anh ta không có tiền

Question 21: Đáp án C

Giải thích:

mustn't: không được phép

do not have to = needn't: không cần

must: chắc chắn

Dịch: Cô giáo của chúng tôi rất nghiêm khắc. Chúng tôi không được phép quên làm bài tập về nhà

Question 22: Đáp án A

Giải thích:

had better = should: nên

cannot: không thể

would rather: thà làm gì (hơn làm gì)

do not have to= needn't: không cần Bạn không nên nói với Sandra bất cứ điều gì về câu chuyện của chúng tôi. CÔ ta không thể giữ bí mật

Question 23: Đáp án D

Giải thích:

May/Might dùng diễn tả một khả năng có thể xảy ra

needn't: không cần

must: chắc chắn

should not: không nên

Dịch: Họ có thể sẽ ở xa vào cuối tuần nhưng tôi không chắc

Question 24: Đáp án A

Giải thích:

must have P2: dùng để dự đoán một điều chắc chắn xảy ra trong quá khứ

should have P2: để diễn đạt một lời khuyên ai đó lẽ ra nên làm gì trong quá khứ (nhưng thực tế người đó đã không làm).

can't / couldn't have PII: Dự đoán chắc chắn 100 % không thể xảy ra trong quá khứ

need have P2: để diễn đạt một lời khuyên ai đó lẽ ra cần làm gì trong quá khứ (nhưng thực tế người đó đã không làm)

Dịch: Dane chắc chắn đã mang trả quyển sách chúng tôi mượn ở thư viện. Nó đã ở trên bàn nhưng giờ thì không thấy nữa.

Question 25: Đáp án B

Giải thích: Ta sử dụng "should have P2" để diễn đạt một lời khuyên ai đó lẽ ra nên làm gì trong quá khứ (nhưng thực tế người đó đã không làm).

may / might have P2: dự đoán có khả năng diễn ra trong quá khứ (70-80%), chưa chắc đã xảy ra

must have P2: Dự đoán một việc chắc chắn (100%) đã xảy ra trong quá khứ

Dịch: John đã bị sa thải năm ngoái. Đáng lẽ ra anh ta nên làm việc chăm chỉ hơn

Question 26: Đáp án C

Giải thích:

Ta dùng cấu trúc "must+V.inf" để dự đoán một điều chắc chắn xảy ra ở hiện tại

should have P2: để diễn đạt một lời khuyên ai đó lẽ ra nên làm gì trong quá khứ (nhưng thực tế người đó đã không làm).

can/could: dùng để chỉ khả năng trong hiện tại / quá khứ

Dịch: Tối qua tôi đã đọc cuốn sách đó trước khi đi ngủ. Tôi không bao giờ đem nó ra khỏi phòng này. Nó chắc chắn đang nằm ở đâu đó quanh đây. Nó có thể ở đâu được nhỉ?

Question 27: Đáp án D

Giải thích: Ta dùng "might + V.inf" để diễn tả một khả năng có thể xảy ra ở hiện tại

must + V.inf: để diễn tả một điều chắc chắn xảy ra ở hiện tại

cannot/ could not +V.inf: để diễn tả một điều chắc chắn không xảy ra ở hiện tại

Dịch: Tôi thực sự không chắc Beverly đang ở đâu. Cô ta có thể đang ngồi ở phòng khách hoặc ở sân sau.

Question 28: Đáp án D

Giải thích: Ta dùng cấu trúc "would rather +V.inf" để diễn tả thích làm gì (hơn làm gì)

could: chỉ khả năng

may: có thể

must: chắc chắn, bắt buộc

Dịch: Tôi thích bạn ở với tôi suốt mùa hè này

Question 29: Đáp án B

Giải thích: mustn't: không được phép

don't have to= needn't: không cần

should: nên

Dịch: Chìa khóa đây. Bạn không được phép quên mang theo nó khi ra ngoài

Question 30: Đáp án C

Giải thích: Cấu trúc câu dự đoán

must+V.inf: dự đoán điều chắc chắn xảy ra trong hiện tại

can/may +V.inf: dự đoán điều có thể xảy ra trong hiện tại

should: nên

Dịch: Bạn đã đọc trong vòng 4 giờ. Chắc hẳn cuốn sách này rất thú vị